

# MỨC ĐỘ SÁNG TẠO CỦA SINH VIÊN MỘT SỐ NGÀNH TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP HÀ NỘI

Đặng Thị Vân

*Khoa Sư phạm & Ngoại ngữ - Trường ĐH Nông nghiệp Hà Nội.*

## 1. Đặt vấn đề

Hoạt động của con người luôn hướng tới chất lượng tốt, hiệu quả cao. Trong thời kỳ đổi mới của xã hội, vấn đề đưa ra những ý tưởng mới, những giải pháp, biện pháp, cách thức cũng như các quy trình công nghệ mới, tiên tiến nhằm mục đích rút ngắn thời gian, tiết kiệm sức lao động, chi phí đang là xu thế mạnh mẽ trong mọi hoạt động của đời sống xã hội, trong đó có các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp.

Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội cũng như yêu cầu của nghề nghiệp trong giai đoạn hiện nay, sinh viên nói chung, sinh viên trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội nói riêng phải có đủ phẩm chất đạo đức, năng lực, kỹ năng sống và đặc biệt là tính sáng tạo trong học tập, trong nghiên cứu khoa học (NCKH), trong hoạt động rèn nghề cũng như công tác của họ sau khi tốt nghiệp đại học. Song thực tế sinh viên một số ngành của trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội có tiềm năng sáng tạo đến mức nào, yếu tố cơ bản nào chi phối tính sáng tạo của họ là những nội dung chính chúng tôi đề cập đến trong bài viết này.

## 2. Phương pháp và khách thể nghiên cứu

Phương pháp chủ yếu trong nghiên cứu này là điều tra bằng trắc nghiệm. Chúng tôi sử dụng trắc nghiệm sáng tạo với vật liệu là ngôn ngữ của nhà Tâm lý học Đức - K.J.Schoppe. Trắc nghiệm này có 9 tiểu test (item), bao gồm: "Vĩ từ", "Đầu từ", "Câu bốn từ", "Tìm đặt tên", "Tính chất giống nhau", "Tính tương tự", "Cách sử dụng không quen thuộc", "Tình huống không tương" và "Tìm tên nhạo đùa". Giá trị CQ (Creative Qoutient) của nghiệm thể (người làm trắc nghiệm) sẽ được đánh giá qua kết quả thô mà họ đạt được ở từng tiểu test so với bảng giá trị chuẩn của test. Trên cơ sở giá trị thực đo CQ, các

nghiệm thế sẽ được phân loại theo mức độ trí sáng tạo bằng test VKT của Schoppe như sau:

Trí sáng tạo ở mức cao với giá trị CQ đạt từ 126 - 130.

Trí sáng tạo ở mức trên trung bình với giá trị CQ đạt từ 111 - 125.

Trí sáng tạo ở mức trung bình với giá trị CQ đạt từ 91 - 110.

Trí sáng tạo ở mức dưới trung bình với giá trị CQ đạt từ 76 - 90.

Trí sáng tạo ở mức thấp với giá trị CQ ở mức 70 - 75.

Ngoài ra, một số phương pháp khác cũng được sử dụng trong nghiên cứu này như trao đổi trò chuyện, một số phép toán thống kê mô tả.

Khách thể nghiên cứu là 88 sinh viên trong đó có 21 sinh viên lớp Cơ khí bảo quản khóa 48 (năm thứ 4) của khoa Cơ điện và 67 sinh viên lớp Kinh doanh khóa 50 (năm thứ 2) của khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn.

### 3. Kết quả và biện luận

#### 3.1. Nhận thức của sinh viên về vai trò của tính sáng tạo và tự đánh giá về mức độ sáng tạo

##### 3.1.1. Nhận thức của sinh viên về vai trò của tính sáng tạo trong học tập

100% số sinh viên đánh giá cao vai trò quan trọng của tính sáng tạo trong học tập của họ.

Cụ thể: 62.5% đánh giá ở mức “*Rất quan trọng*” và 37.5% nhận định ở mức “*Quan trọng*”. Đặc biệt, không có sinh viên nào dù là năm thứ 2 hay thứ 4 ở hai lớp Kinh doanh và Cơ khí bảo quản phủ nhận ý nghĩa quan trọng của tính sáng tạo. Ý nghĩa đó được thể hiện cụ thể như thế nào? (xem bảng 1).

**Bảng 1:** Đánh giá của sinh viên về ý nghĩa của tính sáng tạo đối với học tập và nghiên cứu khoa học

Ý nghĩa của tính sáng tạo	Số lượng	Tỷ lệ %
Nâng cao kết quả học tập, NCKH	53	60.2
Tự tin hơn trước thầy cô, bạn bè, người khác	31	35.2
Khẳng định vị thế cá nhân	29	33
Đóng góp cho sự phát triển ngành nghề của khoa	28	31.8
Hình thành tâm lý thoải mái khi bắt tay vào học tập	28	31.8
Góp phần hoàn thiện nhân cách bản thân	28	31.8

60.2% sinh viên khẳng định tính sáng tạo có ý nghĩa “*Nâng cao kết quả học tập, NCKH*”, 35.2% số sinh viên khẳng định nếu có tính sáng tạo họ sẽ “*Tự tin hơn trước thầy cô, bạn bè, người khác*”. 33% số sinh viên cho rằng tính sáng tạo giúp họ “*Khẳng định vị thế cá nhân*”.

Ngoài ra, tính sáng tạo còn có ý nghĩa như “*Đóng góp cho sự phát triển ngành nghề của khoa*”, “*Hình thành tâm lý thoải mái khi bắt tay vào học tập*”, “*Góp phần hoàn thiện nhân cách bản thân*” có hơn 1/3 số sinh viên đưa ra chiếm tỷ lệ 31.8%.

Ngoài những ý nghĩa thiết thực của tính sáng tạo mà chúng tôi nêu ra cho sinh viên lựa chọn, một số sinh viên còn nêu ra các ý nghĩa khác như giảm bớt sức lao động hay hình thành cá tính cá nhân,... song tỷ lệ % không đáng kể.

### *3.1.2. Kết quả tự đánh giá về mức độ sáng tạo trong học tập của sinh viên*

Khi sinh viên được hỏi: Bạn tự đánh giá bản thân có tính sáng tạo trong học tập ở mức độ nào? Kết quả thống kê cho thấy số sinh viên tự đánh giá sáng tạo ở mức cao và thấp không đáng kể (2.3% sinh viên tự đánh giá ở mức cao, 6.8% ở mức thấp). Như vậy, sinh viên thừa nhận họ chưa có tính sáng tạo cao trong học tập mà phần lớn ở mức trung bình chiếm tỷ lệ 62.5% và ở mức trên trung bình chiếm tỷ lệ 28.4%.

Kết quả tự đánh giá về mức độ sáng tạo trong học tập của sinh viên có liên quan đến kết quả học tập của họ không? Qua tìm hiểu và thống kê kết quả học tập cho thấy không có sinh viên nào trong diện điều tra có kết quả học tập loại giỏi, 5.7% xếp loại khá, 20.5% đạt loại trung bình khá, 73.8% đạt loại trung bình và không có sinh viên yếu kém. Hệ số tương quan (Excel, phiên bản 2000) giữa tự đánh giá về sáng tạo và kết quả học tập  $R = 0,822$  thể hiện giữa kết quả học tập và tự đánh giá về tính sáng tạo của sinh viên có mối tương quan chặt chẽ. Điều đó có nghĩa tính sáng tạo của sinh viên có liên quan rất nhiều đến kết quả học tập của họ, những sinh viên có tính sáng tạo ở mức cao sẽ là điều kiện để nâng điểm số học tập, với những sinh viên ít sáng tạo hay sáng tạo chỉ đạt ở mức thấp, trung bình dẫn đến kết quả học tập kém hoặc chỉ đạt ở mức trung bình, thậm chí dưới trung bình.

### *3.2. Kết quả đo chỉ số sáng tạo của sinh viên qua trắc nghiệm TST-N*

Từ kết quả thống kê điểm của bài trắc nghiệm và so sánh với bảng giá trị quy chuẩn trong trắc nghiệm, chúng tôi tổng hợp và phân tích chỉ số sáng tạo của sinh viên Nông nghiệp trong diện điều tra như sau:

Trong số 88 sinh viên được khảo sát có 15.9% sinh viên đạt chỉ số sáng tạo ở mức trên trung bình, 81.8% sinh viên đạt ở mức trung bình và 2.3% sinh viên có chỉ số sáng tạo ở mức dưới trung bình. Không có sinh viên nào có chỉ

số sáng tạo ở mức độ cao. Kết quả này khá tương đồng với tự đánh giá của sinh viên về mức độ sáng tạo của họ trong học tập.

Hệ số tương quan giữa giá trị CQ và kết quả học tập  $R = 0.692$  thể hiện giữa kết quả học tập và giá trị CQ đo được có mối liên quan khá chặt chẽ. Cụ thể: phần lớn sinh viên có chỉ số sáng tạo ở mức trên trung bình cũng thuộc về những sinh viên có kết quả học tập ở mức khá và trung bình khá. Số sinh viên có chỉ số sáng tạo ở mức trung bình và dưới trung bình thì học cũng chỉ đạt kết quả trung bình và dưới trung bình.

Trong kết quả làm bài trắc nghiệm, phần lớn sinh viên bộc lộ những ý tưởng, sáng kiến của mình ở từng tiểu test chưa thực sự độc đáo, mới mẻ và đa dạng. Ví dụ, trong tiểu test vĩ từ (tiểu test 1) yêu cầu nghiệm thể tìm càng nhiều càng tốt các hợp từ có nghĩa bắt đầu bằng từ cho trước (ăn...) có sinh viên đưa ra hơn 30 từ có nghĩa nhưng rất giản đơn như ăn cơm, ăn cá, ăn canh, ăn bánh, ăn bún, ăn quýt, ăn cam, ăn bưởi... Phần lớn là những ý tưởng mà sinh viên đưa ra đã từng xuất hiện trước đó ở người khác. Chẳng hạn, trong tiểu test 9 - tên nhạo đùa, với chủ đề con mèo, phần lớn sinh viên đưa ra phương án trả lời giống nhau như “dũng sĩ diệt chuột”, “tiểu hổ”,... hay đối với câu 4 từ (trong tiểu test 3) cho trước bốn chữ cái là A - Đ - L - V 100% sinh viên đưa ra câu: “*Anh đi làm về*”, hơn 70% sinh viên đưa ra câu “*Anh đã lấy vợ*”. Tuy nhiên, ở một số tiểu test, sinh viên bước đầu biết đưa ra ý tưởng dựa trên sự sáng tạo trong việc dùng từ ngữ như: đôi đũa đó là cái tăm giành cho những người không lỗ hay con mèo: kẻ thù truyền kiếp của chuột, hay người bạn đố kỵ của chuột (trong tiểu test 9: tìm tên nhạo đùa), hoặc người ta có thể diễn tả cái “đẹp đặc biệt” như hơn gấm vóc lụa là, hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh (trong tiểu test 6). Nói đến tên nhạo đùa của “chậu tắm” sinh viên đưa ra ý tưởng là: biển có bờ, kẻ thù của sự bẩn, bồn tắm di động của trẻ nhỏ, hồ nước của trẻ sơ sinh... song rất ít sinh viên đưa ra được những ý tưởng độc đáo như vậy.

Trong 9 tiểu test của trắc nghiệm này, phần lớn sinh viên làm tốt ở các tiểu test có sự gợi ý rõ ràng như tiểu test 1, 2, 3. Những tiểu test đòi hỏi sự sáng tạo xuất phát từ ý tưởng, óc khám phá của sinh viên như (tiểu test 5, 8) sinh viên chưa thực hiện tốt, có những sinh viên ở một số tiểu test này không đưa ra được ý tưởng của cá nhân mình.

Trong 67 sinh viên của khóa 50 chúng tôi chọn ngẫu nhiên 21 sinh viên để so sánh với 21 sinh viên khóa 48 xem có sự chênh lệch về mức độ tiềm năng sáng tạo không? Kết quả cho thấy tự đánh giá của sinh viên hai lớp về mức độ sáng tạo trong học tập, ý nghĩa của tính sáng tạo,... khá tương đồng. Kết quả giá trị trung bình của tiềm năng sáng tạo qua trắc nghiệm của lớp Cơ khí bảo quản khóa 48 là 99 còn của lớp Kinh doanh khóa 50 là 106 (so với bảng giá trị

chuẩn thì cả hai khóa đều mới chỉ đạt ở mức trung bình). Tuy nhiên, kết quả đo của khóa 50 gần với ngưỡng dưới của mức trên trung bình (111 -125).

Vì so sánh ở số lượng không lớn nên chúng tôi chưa đưa ra kết luận chính xác rõ ràng về sự khác biệt giữa sinh viên hai khóa, cho dù sinh viên lớp Kinh doanh khóa 50 có giá trị trung bình về chỉ số sáng tạo lớn hơn lớp Cơ khí bảo quản khóa 48. Điều quan trọng mà chúng tôi muốn nhấn mạnh là tính sáng tạo sẽ khó tỷ lệ thuận với thời gian theo học nếu sinh viên thụ động, quen tư duy bảo thủ, không chịu đổi mới và đặc biệt họ không ngày một phát huy tính chủ động, tích cực, tự giác trong học tập để có cơ hội bộc lộ tính sáng tạo của mình.

### 3.3. Nhân tố chi phối tính sáng tạo trong học tập của sinh viên

Một số nhân tố chi phối tính sáng tạo trong học tập của sinh viên được xác định qua tự nhận thức của sinh viên. Chúng tôi đưa ra một số nhân tố cơ bản có khả năng chi phối sáng tạo trong học tập của sinh viên để họ lựa chọn và xác định (kết quả bảng 2)

**Bảng 2:** Nhân tố chi phối tính sáng tạo trong học tập của sinh viên

Các nhân tố	Số lượng	Tỷ lệ %
Đam mê, hứng thú của sinh viên	55	62.5
Các hoạt động (hội nghị khoa học, các cuộc thi sáng tạo,...)	35	39.8
Nhu cầu nhận thức của sinh viên	33	37.5
Cơ sở vật chất, trang thiết bị học tập	33	37.5
Phương pháp giảng dạy, tổ chức lớp học của giảng viên	27	30.7

62.5% sinh viên nhận định một trong những yếu tố chủ quan chi phối tính sáng tạo trong học tập là “*Đam mê, hứng thú của sinh viên*”. Một sinh viên lớp Cơ khí bảo quản khóa 48 cho biết: “*Em nghĩ để có một ý tưởng mới, một sáng kiến trong học tập hay bất kỳ một công việc nào không khó, cái chính là con người ta có đủ quyết tâm và ham thích không mà thôi.*” Hay cũng trả lời về vấn đề này một sinh viên lớp Kinh doanh khóa 50 chia sẻ: “*Em chưa có hứng thú cao trong học tập, nên nhiều khi còn thụ động chưa có những sáng kiến trong quá trình học tập cũng như các hoạt động khác của lớp*”.

Ngoài ra, có 39.8% sinh viên cho rằng “*Các hoạt động (Hội nghị khoa học, các cuộc thi sáng tạo,...)* cũng ảnh hưởng không nhỏ đến tính sáng tạo học tập của sinh viên.

37.5% sinh viên cho biết tính sáng tạo trong học tập của họ được khơi nguồn từ “*Nhu cầu nhận thức của sinh viên*”. Khi được hỏi vì sao nhu cầu nhận thức của sinh viên cũng ảnh hưởng ít nhiều đến tính sáng tạo, một sinh viên lớp Kinh doanh khóa 50 cho biết: “*Em nghĩ không có gì là quá khó đến mức không làm được, điều cốt yếu bản thân có khao khát muốn biết, muốn khám phá không mà thôi. Tại sao em quá quyết như vậy vì em kiểm định từ bản thân cái gì em muốn biết, em cố gắng là em có thể hiểu và làm được, thậm chí còn làm tốt nữa*”.

Ngoài các nhân tố cơ bản nêu trên, các nhân tố khách quan như “*Cơ sở vật chất, trang thiết bị học tập*”, “*Phương pháp giảng dạy, tổ chức lớp học của giảng viên*” cũng được hơn 1/3 số sinh viên đề cập tới chiếm tỷ lệ % lần lượt là 37.5% và 30.7%.

Thực tế cho thấy cải tiến, đổi mới phương pháp dạy học, hướng tới quan điểm dạy học tích cực và áp dụng tốt sẽ kích lệ tinh thần tích cực, chủ động, sáng tạo của người học. Qua trao đổi trực tiếp với sinh viên, đại diện lớp Cơ khí khóa 48 cho hay: “*Có những giờ học thầy chỉ dùng mỗi thuyết trình nên em cũng như nhiều bạn rơi vào tình trạng trì trệ, không động não*”.

Như vậy: theo đánh giá của sinh viên, yếu tố chi phối cơ bản nhất đến tính sáng tạo vẫn là yếu tố chủ quan, sinh viên có đam mê, hứng thú, có nhu cầu nhận thức trong học tập, nghiên cứu sẽ là động cơ tốt để giúp sinh viên phát huy tính sáng tạo của bản thân. Tuy nhiên phương pháp giảng dạy của giảng viên cũng tác động ít nhiều đến quá trình khơi dậy tiềm năng sáng tạo của sinh viên.

## **4. Kết luận và đề xuất**

### **4.1. Kết luận**

Kết quả đo chỉ số sáng tạo bằng trắc nghiệm ngôn ngữ của K.J. Schoppe cho thấy tiềm năng sáng tạo của sinh viên một số ngành ở trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội không cao. Điều đó có ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả học tập của họ.

Nhân tố chi phối lớn nhất đến tính sáng tạo của sinh viên trong học tập là nhân tố chủ quan, đặc biệt phải kể đến đó là đam mê, hứng thú của họ. Song, nhân tố khách quan cũng có tác động không nhỏ, đó là các quá trình giao lưu, các cuộc thi sáng tạo hay cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho dạy và học, cách giảng dạy của giảng viên.

### **4.2. Đề xuất**

Qua kết quả đo chỉ số sáng tạo của sinh viên một số ngành ở trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội, chúng tôi mạnh dạn đưa ra một số đề xuất dưới đây

với mục đích bồi dưỡng và phát huy tiềm năng sáng tạo cho sinh viên trong học tập cũng như trong công tác sau này.

*Thứ nhất:* Nên đưa một số nội dung của tâm lý học sáng tạo vào chương trình học của sinh viên, đặc biệt phần thực hành sáng tạo (khoảng 1-1,5 đvht) để trang bị cho sinh viên phương pháp luận về sáng tạo và tập dượt ý tưởng sáng tạo.

*Thứ hai:* Việc tổ chức định kỳ các cuộc thi sáng tạo các cấp (cấp bộ môn, cấp khoa, cấp trường) để sinh viên có cơ hội nêu và thực hiện ý tưởng sáng tạo của bản thân là vấn đề cần được nhà trường, các khoa đặc biệt quan tâm.

*Thứ ba:* Nhà trường hay các khoa nên tổ chức những buổi trò chuyện, trao đổi giữa chuyên gia nghiên cứu về sáng tạo và sinh viên, qua đó giúp sinh viên thử nghiệm những sáng kiến nhỏ, những ý tưởng mới,... Đây có thể xem như là cơ hội tốt để sinh viên tập dượt và đánh giá được tiềm năng sáng tạo của mình.

*Thứ tư:* Cải tiến áp dụng những phương pháp dạy học tích cực từ phía giảng viên là nhiệm vụ trọng tâm. Cụ thể giảng viên nên áp dụng thường xuyên phương pháp dạy học nêu vấn đề, dạy học bằng tình huống, thảo luận... sẽ tạo điều kiện để sinh viên được tham gia một cách độc lập, tự chủ, qua đó họ có thêm cơ hội để thử nghiệm những ý tưởng, sáng kiến của bản thân.

### Tài liệu tham khảo

1. Vugotxky (1985), *Trí tưởng tượng và sáng tạo ở lứa tuổi thiếu niên*, NXB Phụ nữ, Hà Nội.
2. Phan Dũng (1990), *Làm thế nào để sáng tạo*, NXB Khoa học kỹ thuật TP HCM.
3. Nguyễn Huy Tú (2005), *Về tính sáng tạo và chủ số sáng tạo CQ* (trong Trần Kiều (chủ biên), *Trí tuệ và đo lường trí tuệ*, NXB Chính trị quốc gia.
4. Đức Uy (1999), *Tâm lý học sáng tạo*, NXB Giáo dục.